

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 2) cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần – Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long để thực hiện dự án Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 481/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về việc chấp thuận đầu tư Dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang; số 737/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất năm 2030 thành phố Bắc Giang; số 1053/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Bắc Giang;

Theo đề nghị của: Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần – Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long tại Đơn xin giao đất (đợt 2) ngày 15/4/2022; UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 26/4/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 417/TTr-TNMT ngày 21/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất:

1. Chuyển mục đích sử dụng (đợt 3) 30.657,4m² (Ba mươi nghìn, sáu trăm năm mươi bảy phẩy tư mét vuông) đất đã được UBND thành phố thu hồi và tại các Quyết định: Số 1707/QĐ-UBND ngày 29/11/2019; số 121/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và điều chỉnh thu hồi đất tại Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 22/6/2021, trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm khác (BHK): 28.453,9m²;
- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 2.203,5m²

(UBND thành phố Bắc Giang chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng quy định của pháp luật về việc thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB; Có bảng tổng hợp danh sách các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất kèm theo Tờ trình số 250/TTr-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố)

2. Giao toàn bộ diện tích 30.657,4m² đất đã chuyển mục đích sử dụng tại mục 1 cho Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long để xây dựng Hạ tầng kỹ thuật dự án Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang, cụ thể như sau:

- Diện tích đất ở để xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất để thanh toán theo Quyết định của cấp có thẩm quyền (UBND tỉnh chỉ giao đất thanh toán sau khi xác định đáp ứng đủ các điều kiện thanh toán theo nguyên tắc ngang giá, tương đương theo quy định pháp luật): 10.291,2m².

- Diện tích giao đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết khu đô thị, sau khi hoàn thành bàn giao lại cho Nhà nước để quản lý: 20.366,2m².

- Thời hạn giao đất: Theo thời gian hoạt động dự án được UBND tỉnh chấp thuận.

(Có bảng tổng hợp diện tích, cơ cấu các loại đất sau khi chuyển mục đích kèm theo).

3. Giao UBND xã Tân Tiến quản lý 41,8m² đất nằm ngoài chỉ giới thực hiện dự án đã được UBND thành phố thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng (không chuyển mục đích sử dụng đất).

4. Địa điểm: xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định bằng đường chỉ đỏ trên các tờ bản đồ trích đo địa chính khu đất tỷ lệ 1/500 kèm theo hồ sơ lưu tại Sở TN&MT).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thu phí, lệ phí; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý biến động, xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất đã thu hồi; chỉ xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng đối với các lô đất sau khi xác định đã đảm bảo đầy đủ các quy định của pháp luật (bao gồm cả nguyên tắc thanh toán ngang giá, tương đương hợp đồng BT).

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan xác định và hướng dẫn Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long thực hiện nghĩa vụ tài chính, thanh toán hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. Cục Thuế tỉnh: Đơn đốc Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long nộp đầy đủ khoản tiền M3 được xác định theo quy định của pháp luật và các nghĩa vụ tài chính khác mà công ty phải thực hiện đối với toàn bộ diện tích đất đã giao theo các đợt.

4. UBND thành phố Bắc Giang: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã Tân Tiến chỉnh lý hồ sơ địa chính, thiết lập hồ sơ quản lý chặt chẽ diện tích đất giao quản lý tại Điều 1, không để xảy ra lấn chiếm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất; tổ chức bàn giao đất tại thực địa cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

5. Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long:

5.1. Thực hiện theo đúng Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT) đã ký kết.

5.2. Phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan nhận bàn giao đất trên thực địa; đưa đất vào sử dụng và sử dụng đất đúng ranh giới, mục đích được giao; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (bao gồm cả việc nộp khoản tiền M3 theo quy định cho toàn bộ diện tích đất đã được giao theo các đợt); chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, đầu tư, xây dựng, môi trường và các pháp luật có liên quan.

5.3. Xây dựng hoàn thành kỹ thuật của dự án trên phần diện tích đất được giao theo đúng thiết kế và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, sau khi xây dựng xong, bàn giao toàn bộ các hạng mục đã xác định tại các Quyết định chấp thuận đầu tư, giao đất thực hiện dự án dự án và văn bản khác của cấp có thẩm quyền cho UBND thành phố Bắc Giang quản lý.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Cục Thuế tỉnh; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh; UBND thành phố Bắc Giang; UBND xã Tân Tiến; Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long (trả HS qua Trung tâm PV HCC tỉnh);
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT;
 - + ĐT, TN, XD, KTTH;
- Phòng QLĐĐ - Sở TN&MT (lưu HS);
- Lưu: VT, TN&SN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

TỔNG HỢP CƠ CẤU CMB VÀ GIAO ĐẤT (ĐỢT 3) ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:
KHU SỔ 5, SỐ 9 THUỘC KHU ĐÔ THỊ PHÍA NAM THÀNH PHỐ BẮC GIANG
(Kèm theo Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên phân khu	Tổng diện tích đất phân khu (m ²)	Diện tích giao đợt 1 (m ²)	Diện tích giao đợt 2 (m ²)	Diện tích giao đợt 3 (m ²)	Diện tích chưa giao (m ²)	Ghi chú
I	Đất ở xây mới	142.647,00	126.762,20	1.886,10	12.529,50	1.469,20	
1	Đất nhà liền kề	83.967,00	76.660,30	338,20	6.304,50	664,00	Đất ở chia lô
1.1	A-LK-50	1289,0	1.114,0		175,0	0,0	Đất ở chia lô
1.2	A-LK-51	1553,0	1.397,7		88,0	67,3	Đất ở chia lô
1.3	A-LK-52	3636,0	2.877,1		758,9	0,0	Đất ở chia lô
1.4	A-LK-56	5122,0	4.452,3		669,7	0,0	Đất ở chia lô
1.5	A-LK-60	2386,0	2.170,9		215,1	0,0	Đất ở chia lô
1.6	A-LK-61	2978,0	2.558,7		419,3	0,0	Đất ở chia lô
1.7	A-LK-62	5255,0	4.868,4		161,5	225,1	Đất ở chia lô
1.8	A-LK-64	4837,0	4.381,3		334,8	120,9	Đất ở chia lô
1.9	A-LK-71	6181,0	5.737,2		290,9	152,9	Đất ở chia lô



1.10	A-LK-72	6177,0	5.793,8		285,4	97,8	Đất ở chia lô
1.11	A-LK-73	2195,0	1.990,3		204,7	0,0	Đất ở chia lô
1.12	B-LK-26	5340,0	5.340,0		-	0,0	Đất ở chia lô
1.13	B-LK-27	3539,0	3.539,0		-	0,0	Đất ở chia lô
1.14	B-LK-31	5380,0	5.041,8	338,2	-	0,0	Đất ở chia lô
1.15	B-LK-35	3991,0	3.991,0		-	0,0	Đất ở chia lô
1.16	B-LK-36	5811,0	3.941,6		1.869,4	0,0	Đất ở chia lô
1.17	B-LK-40	5357,0	5.357,0		-	0,0	Đất ở chia lô
1.18	B-LK-43	2701,0	1.874,2		826,8	0,0	Đất ở chia lô
1.19	B-LK-44	4379,0	4.379,0		-	0,0	Đất ở chia lô
1.20	B-LK-47	5860,0	5.855,0		5,0	0,0	Đất ở chia lô
2	Đất nhà biệt thự	29025,0	24.233,1	-	3.986,7	805,2	
2.1	A-BT-1	1006,0	771,7		234,3	0,0	Đất ở biệt thự
2.2	A-BT-2	1614,0	1.579,8		10,3	23,9	Đất ở biệt thự
2.3	A-BT-3	7286,0	5.833,3		1.452,7	0,0	Đất ở biệt thự
2.4	A-BT-4	3368,0	1.793,8			0,0	Đất ở biệt thự



							1.574,2				
2.5	A-BT-5	5968,0	5.252,8				715,2	0,0	Đất ở biệt thự		
2.6	A-BT-6	2190,0	2.190,0					0,0	Đất ở biệt thự		
2.7	B-BT-1	3495,0	2.713,7				-	781,3	Đất ở biệt thự		
2.8	B-BT-2	4098,0	4.098,0				-	0,0	Đất ở biệt thự		
3	Đất ở Tái định cư	1022,0	1.022,0		-		-	0,0			
3.1	TĐC 1	495,0	495,0				-	0,0			
3.2	TĐC 2	527,0	527,0				-	0,0			
4	Đất nhà ở xã hội	28633,0	24.846,8		1.547,9		2.238,3	0,0			
4.1	B-OXH-1	7476,0	5.237,7		-		2.238,3	0,0			
4.2	B-OXH-2	12070,0	10.707,6		1.362,4		-	0,0			
4.3	B-OXH-3	6990,0	6.804,5		185,5		-	0,0			
4.4	B-OXH-4	2097,0	2.097,0				-	0,0			
II	Đất trường trung học	12319,0	12.319,0		-		-	0,0			
	B-TH-2	12319,0	12.319,0				-	0,0			
III	Đất nhà trẻ mẫu giáo	4654,0	4.619,2		-		34,8	0,0			

	A-NT-4	4654,0	4.619,2		34,8	0,0	
IV	Đất công cộng	23740,0	21.025,3	-	2.614,3	100,4	
1	B-CC-1	12866,0	10.477,8	-	2.340,9	47,3	
2	B-CC-2	10874,0	10.547,5		273,4	53,1	
V	Đất chợ	18114,0	18.025,4	-	-	88,6	
	A-CHO	18114,0	18.025,4		-	88,6	
VI	Đất cây xanh- mặt nước	51911,0	47.606,6	-	2.462,4	1842,0	
1	A-CX-1	30481,0	26.604,4		2.034,6	1842,0	
2	A-CX-2	15741,0	15.370,5		370,5	0,0	
3	A-CX-3	657,0	599,7		57,3	0,0	
4	A-CX-4	109,0	109,0		-	0,0	
5	A-CX-5	149,0	149,0		-	0,0	
6	B-CX-6	3065,0	3.065,0		-	0,0	
7	B-CX-8	1709,0	1.709,0		-	0,0	
VII	Đất hạ tầng sau nhà	16698,0	15.209,8	300,6	999,8	187,8	
	HTSN	16698,0	15.209,8			187,8	



VIII	Đất trạm trung chuyển CTR	360,0	360,0	300,6	999,8	0,0	
	B-GR-1	180,0	180,0	-	-	0,0	
	B-GR-2	180,0	180,0	-	-	0,0	
IX	Đất giao thông, bãi đỗ xe	166274,0	142.547,5	3.353,8	12.016,6	8356,1	
1	BĐX - P	8589,1	7.781,3	89,5	165,4	552,9	
2	GT	157684,9	134.766,2	3.264,3	11.851,2	7803,2	
Tổng		436.717,0	388.475,0	5.540,5	30.657,4	12.044,1	